

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 - 2025

V/v yêu cầu ly hôn, giải
quyết về con chung khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 và ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, về việc: *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Y P Niê, Sh năm 2000.

Địa chỉ: Buôn P A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn PA, xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Nơi làm việc: Hợp tác xã V, khu phố Ph, phường T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị H S Mlô, Sh năm 2001.

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn D, xã K, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Y P Niê trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Y P và chị H S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/3/2020. Đến năm 2022 cùng đến tỉnh B làm việc, thời gian đầu vợ chồng cũng hoà thuận, được một thời gian khi có các mối quan hệ bạn bè thì chị H S có thái độ với anh Y P trước mặt bạn bè dẫn đến tranh cãi. Đến tháng 9 năm 2022 anh Y P phát hiện chị H S ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến bất hoà, tranh cãi, không tin tưởng nhau, sau khi được hai bên gia đình hoà giải đã tha thứ cho nhau để tiếp tục làm ăn sinh sống. Đến tháng 3 năm 2024 tiếp tục mâu thuẫn tình cảm, bất đồng quan điểm trong các vấn đề chi tiêu, việc làm dẫn đến tranh cãi và không thể tìm được tiếng nói chung, khi mâu thuẫn, nóng giận anh Y P cũng có đánh chị H S, hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không được, đã sống ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2024 cho đến nay. Anh Y P xác định mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không còn tin tưởng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, từ khi ly thân không còn chung sống, anh Y P về sống cùng bố mẹ và đi làm ở tỉnh Đ. Trong thời gian ly thân không còn liên hệ, không quan tâm, chăm sóc nhau, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh Y P kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị H S.

Anh Y P không đồng ý với việc chị H S Mlô yêu cầu trả tiền sính lễ, cưới hỏi, yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng vì bên gia đình anh Y P cũng tổ chức đám cưới, chi phí cưới hỏi đã chi xong, anh Y P không có chứng cứ liên quan để cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Anh Y P và chị H S có một con chung là Y Đ Mlô, sinh ngày 29/02/2020, do đi làm xa, khó khăn về chỗ ở và phải ở trọ, con từ nhỏ vẫn ở với chị H S Mlô nên anh Y P đồng ý giao con cho chị H S Mlô được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh Y P không đồng ý việc chị H S Mlô yêu cầu anh Y P phải trả tiền cấp dưỡng một lần vì hoàn cảnh khó khăn, thu nhập từ lương mỗi tháng chỉ khoảng 6.000.000 đến 7.000.000 đồng, anh Y P đã cung cấp các phiếu lương trong 03 tháng gần nhất cho Tòa án, với thu nhập hiện nay anh Y P không đủ điều kiện, không có tiền cấp dưỡng một lần nên chỉ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị H S Mlô quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H S và anh Y P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/3/2020. Trong thời gian chung sống có mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm là đúng, khi nóng giận anh Y P còn đánh chị H S, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Việc anh Y P cho rằng chị H S ngoại tình là không đúng sự thật, các chứng cứ anh Y P cung cấp là bức hình, nội dung tin nhắn trên facebook không chứng minh việc chị H S ngoại tình hay có quan hệ với người đàn ông khác, sự việc đã được hoà giải và giải thích cho mọi người biết. Do xảy ra mâu thuẫn nên ngày 19/4/2024 anh Y P bỏ về sống cùng cha mẹ tại Buôn PA, xã E, tỉnh Đắk Lắk, hai bên sống ly thân từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân chị H S không liên lạc được với anh Y P, anh Y P cũng không liên lạc, không quan tâm, không có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc gia đình và con.

Ngày 29/4/2025 hai bên gia đình đã thống nhất giải quyết theo phong tục, nay anh Y P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị H S thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với anh Y P nhưng với điều kiện anh Y P phải trả lại tiền sính lễ và số tiền phạt là 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị H S xác định, biên bản thoả thuận theo phong tục của người đồng bào Êđê được lập giữa hai bên gia đình trước khi cưới, trong đó có nội dung ghi nhận việc nếu bên nào đưa ra yêu cầu ly hôn thì phải chịu phạt heo, phạt tiền là 40.000.000 đồng nhưng chị H S chỉ yêu cầu anh Y P phải trả số tiền phạt là 40.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu trả lại sính lễ hay tài sản nào khác.

Về con chung: Có một con chung là Y Đ Mlô, sinh ngày 29/02/2020, chị H S đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị H S đồng ý anh Y P có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng, quá trình giải quyết vụ án chị H S yêu cầu anh Y P phải trả tiền cấp dưỡng một lần cho thời gian cấp dưỡng nhưng tại phiên tòa chị H S thay đổi yêu cầu cấp dưỡng theo hướng đồng ý việc anh Y P sẽ cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H S và anh Y P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi tại phiên tòa, đề nghị tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Y P Niê.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Y P Niê ly hôn chị H S Mlô.

Về con chung: Giao con chung là cháu Y Đ Mlô, sinh ngày 29/02/2020 cho chị H S Mlô được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc anh Y P Niê tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, việc cấp dưỡng chi trả hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự khác: Quá trình giải quyết vụ án chị H S yêu cầu anh Y P trả lại tiền sính lễ, anh Y P không đồng ý vì khi cưới, gia đình anh cũng bỏ một khoản chi phí tương tự. Tại phiên tòa hôm nay chị H S thay đổi yêu cầu, không yêu cầu trả sính lễ, chỉ yêu cầu tiền phạt 40.000.000 đồng do anh Y P Niê yêu cầu ly hôn theo biên bản họp gia đình trước khi cưới theo phong tục của người đồng bào dân tộc Ê đê. Nhận thấy, chi phí cưới hỏi, sính lễ là nghĩa vụ hai bên cùng tự nguyện thực hiện khi tổ chức đám cưới theo phong tục, không phải giao kết hợp đồng, hai bên gia đình tự nguyện thực hiện và bỏ ra các khoản chi phí như nhau. Mặt khác, căn cứ quy định tại Nghị định 126/2014/NĐ-CP quy định các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cấm áp dụng thì việc đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn là phong tục tập quán lạc hậu cấm áp dụng nên yêu cầu của chị H S Mlô là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật về yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực.

Anh Y P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt anh Y P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Anh Y P và chị H S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/3/2020 (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk), quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của anh Y P cho rằng quá trình chung sống có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở, chị H S cũng thừa nhận thời gian chung sống có mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm là đúng. Khi nóng giận anh Y P có đánh chị H S, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không giải

quyết được mâu thuẫn, chị H S thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, chị H S đồng ý ly hôn với anh Y P. Hội đồng xét xử nhận thấy, thực tế hai bên không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau trao đổi, chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Do đó, có căn cứ xác định, cuộc sống hôn nhân giữa anh Y P và chị H S không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn và kéo dài là có thật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận cho anh Y P ly hôn với chị H S là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H S yêu cầu anh Y P trả tiền sính lễ, tiền phạt 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị H S thay đổi yêu cầu, không yêu cầu trả sính lễ, chỉ yêu cầu số tiền phạt 40.000.000 đồng do Y P Niê đưa ra yêu cầu ly hôn theo biên bản thỏa thuận giữa hai bên gia đình trước khi cưới theo phong tục của người đồng bào dân tộc Ê đê được lập ngày 22/02/2019. Nhận thấy, chi phí cưới hỏi, sính lễ là nghĩa vụ hai bên cùng tự nguyện thực hiện khi tổ chức đám cưới theo phong tục, không phải giao kết hợp đồng, hai bên gia đình đã tự nguyện thực hiện, bỏ ra các khoản chi phí, anh Y P không đồng ý với yêu cầu của chị H S. Vì vậy, căn cứ quy định tại Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình, đã ban hành kèm theo danh mục các tập quán lạc hậu về hôn nhân gia đình cần vận động xóa bỏ và cấm áp dụng, thì việc đòi lại của cải, phạt vạ khi vợ, chồng ly hôn là phong tục tập quán lạc hậu cấm áp dụng. Do đó, việc chị H S Mlô yêu cầu anh Y P phải trả cho chị H S số tiền phạt 40.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Y P và chị H S có một con chung là Y Đ Mlô, sinh ngày 29/02/2020, từ khi không còn chung sống, chị H S là người trực tiếp nuôi con, anh Y P và chị H S đều thống nhất giao con cho chị H S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi nên cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng: Như đã nhận định ở trên do giao con chung cho chị H S trực tiếp nuôi dưỡng nên anh Y P có nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp, anh Y P và chị H S đều đồng ý anh Y P có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phương thức cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án chị H S yêu cầu anh Y P phải cấp dưỡng một lần cho thời gian cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị H S thay đổi yêu cầu cấp dưỡng theo hướng đồng ý cho anh Y P cấp dưỡng hàng tháng, thấy rằng anh Y P hiện nay làm công nhân, thu nhập trung bình 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nên căn cứ mức thu nhập, nhu cầu thiết yếu của con, cần chấp nhận việc anh Y P có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi là đúng quy định tại Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Y P và chị H S đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Y P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp. Anh Y P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 243, khoản 1 Điều 244, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Y P Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Y P Niê được ly hôn với chị H S Mlô.

2. Về con chung: Giao con chung là Y Đ Mlô, sinh ngày 29/02/2020 cho chị H S Mlô được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Y P Niê có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2025 đến khi con đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Y P Niê và chị H S Mlô không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Y P Niê phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai

thu tạm ứng án phí số 0002184 ngày 27/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Đắk Lắk).

- Anh Y P Niê phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân